

Số: 01/2023/QĐST-HNGĐ

Ba Tri, ngày 03 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 608/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Phương O, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 15/01 khu phố 5, thị trấn B T, huyện B T, tỉnh B T

- *Bị đơn*: Ông Hồ Văn M, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 033/AQ, ấp An Quới, xã V A, huyện B T, tỉnh B T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ngân hàng TMCP CT Việt Nam;

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, quận H K, thành phố H N.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh Tuấn L – Phó Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trịnh M C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 2, phường A H, thành phố B T, tỉnh B T.

2. Anh Hồ Ngọc M T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Số 033/AQ, ấp A Q, xã V A, huyện B T, tỉnh B T.

3. Chị Hồ Ngọc Trúc G, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Số 15/01 khu phố 5, thị trấn B T, huyện B T, tỉnh B T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Phương O và ông Hồ Văn M. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

2.1. Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Ngọc M T, sinh ngày 12/3/1995 và Hồ Ngọc Trúc G, sinh ngày 15/10/2001. Cả 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung: Gồm có 03 thửa đất:

- Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 19, diện tích 41,6m² (Theo Vlap nay là thửa số 125, tờ bản đồ số 36, diện tích 52,4m²) do ông Hồ Văn M đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Trên thửa đất số 119, tờ bản đồ số 19 có 01 ngôi nhà cấp 4 xây tường, mái tole, nền lót gạch, có gác lửng.

- Thửa đất số 1001, tờ bản đồ số 3, diện tích 6344m², tọa lạc tại xã Vĩnh An, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Thửa đất số 290, tờ bản đồ số 11, diện tích 4254,9m², tọa lạc tại xã Vĩnh An, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Đối với các thửa đất số 1001, tờ bản đồ số 3 và thửa 290 tờ bản đồ số 11 mặc dù là đất cấp cho hộ ông Hồ Văn M; Hộ ông M gồm có Hồ Văn M, Trần Thị Phương O, Hồ Ngọc M T, Hồ Ngọc Trúc G nhưng tất cả các thành viên trong hộ thống nhất đây là tài sản chung của ông M và bà O, không liên quan gì đến anh M T và chị Trúc G.

Ngoài những thửa đất nêu trên bà O và ông M không còn tài sản chung nào khác.

Bà Trần Thị Phương O được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất và tài sản trên đất gồm có 01 ngôi nhà cấp 4 xây tường, mái tole, nền lót gạch, có gác lửng thuộc thửa số 119, tờ bản đồ số 19, diện tích 41,6m² (Theo Vlap nay là thửa số 125, tờ bản đồ số 36, diện tích 52,4m² do ông Hồ Văn M đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Ông Hồ Văn M được toàn quyền quản lý, sử dụng các thửa đất:

- Thửa đất số 1001, tờ bản đồ số 3, diện tích 6344m², tọa lạc tại xã Vĩnh An, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Thửa đất số 290, tờ bản đồ số 11, diện tích 4254,9m², tọa lạc tại xã Vĩnh An, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Bà Trần Thị Phương O và ông Hồ Văn M được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đối với phần đất mà mình được nhận.

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo diện tích, số thửa, tờ bản đồ đã nêu trên.

2.3. Về nợ chung: Ông Hồ Văn M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam số tiền tính đến giai đoạn hiện nay (tính đến ngày 14/12/2022) là 348.327.282 đồng (Ba trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm tám mươi hai đồng).

Ông Hồ Văn M còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh tính từ ngày 15/12/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng ngày 10/9/2020 mà hai bên đã ký kết.

Trường hợp ông M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thì phải giao toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 181/2018/HĐBĐ/NHCT78033 ngày 31/8/2018 để Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi thu hồi nợ.

2.4 Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Phương O tự nguyện chịu toàn bộ và đã quyết toán xong.

2.5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình hòa giải thành là: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Trần Thị Phương O tự nguyện chịu toàn bộ.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Phương O phải chịu:

Án phí chia tài sản chung là 4.992.000 đồng (Bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Án phí nợ chung là 4.354.000 đồng (Bốn triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Tổng án phí hôn nhân và dân sự bà Trần Thị Phương O phải chịu là 9.346.000 đồng (chín triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp là 17.300.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0004299 và 0004300 ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Như vậy bà O được hoàn lại số tiền chênh lệch là 7.954.000 đồng (Bảy triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng)

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Hồ Văn M phải chịu là:

Án phí chia tài sản chung: 16.231.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm ba mươi

một nghìn đồng).

Án phí nợ chung: 4.354.000 đồng (Bốn triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Tổng cộng án phí ông Hồ Văn M phải chịu là 20.585.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng)

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND TT Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu